Tác động của chuyển đổi số đến sự chuyển dịch cơ cấu lao động ở Việt Nam hiện nay

Impact of digital transformation on labor structure shifts in Vietnam today

ThS. PHAN THỊ THÀNH
Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - Đại học quốc gia Tp. Hồ Chí Minh;
Email: 251922900117@hcmussh.edu.vn

Ngày nhận bài: 23/6/2026 Ngày phản biện: 30/8/2026 Ngày duyệt đăng: 20/9/2026

Chủ đề của bài viết thuộc lĩnh vực: Khoa học xã hội và Nhân văn

Tóm tắt: *Chuyển đổi số đang trở thành động lực quan trọng thúc đẩy sự biến đổi của lực lượng sản xuất và từng bước xác lập phương thức sản xuất số trong bối cảnh đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam. Trên cơ sở phân tích mối quan hệ giữa chuyển đổi số, phương thức sản xuất số và sự vận động của cơ cấu lao động, bài viết làm rõ những biểu hiện chủ yếu của quá trình chuyển dịch cơ cấu lao động dưới tác động của chuyển đổi số. Đồng thời, bài viết phân tích những mâu thuẫn nảy sinh trong quá trình chuyển dịch cơ cấu lao động, như sự chênh lệch giữa yêu cầu phát triển nguồn nhân lực số với chất lượng lao động hiện có, khoảng cách số và những thách thức đối với an sinh xã hội. Trên cơ sở đó, bài viết đề xuất một số giải pháp chủ yếu nhằm thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu lao động theo hướng hiện đại, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và đáp ứng yêu cầu phát triển của phương thức sản xuất số ở Việt Nam hiện nay.*
Từ khoá: *chuyển đổi số; cơ cấu lao động; lực lượng sản xuất; quan hệ sản xuất.*

Abstract: *Digital transformation is becoming an important driver of changes in the productive forces and is gradually establishing a digital mode of production in the context of accelerating industrialization and modernization in Vietnam. Based on an analysis of the relationship between digital transformation, the digital mode of production, and changes in the labor structure, this article clarifies the major manifestations of labor structure shifts under the impact of digital transformation. It also analyzes emerging contradictions in the process of labor structure shifts, including the gap between the requirements for developing a digital workforce and the quality of the existing workforce, the digital divide, and challenges to social security. On this basis, the article proposes several key solutions to promote labor structure shifts toward modernization, improve the quality of the workforce, and meet the development requirements of the digital mode of production in Vietnam today.*
Keywords: *digital transformation; labor structure; productive forces; relations of production.*

1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư diễn ra mạnh mẽ, chuyển đổi số đang trở thành động lực quan trọng thúc đẩy sự biến đổi của nền kinh tế và xã hội. Sự phát triển của các công nghệ số như trí tuệ nhân tạo (AI), dữ liệu lớn (Big Data), Internet vạn vật (IoT) và điện toán đám mây (Cloud Computing) không chỉ làm thay đổi công cụ lao động và phương thức tổ chức sản xuất mà còn tác động trực tiếp đến cơ cấu của lực lượng sản xuất. Quá trình này thúc đẩy sự xuất hiện của những ngành nghề, hình thức việc làm mới, đồng thời làm

thay đổi nhu cầu sử dụng lao động trong nhiều lĩnh vực, qua đó dẫn đến sự chuyển dịch cơ cấu lao động trên phạm vi rộng.

Dòng nghiên cứu quốc tế đã phát triển khá rõ theo hướng này. Autor, Levy và Murnane (2003) đặt nền móng cho cách tiếp cận công nghệ thiên lệch theo tác vụ khi chỉ ra rằng máy tính thay thế tốt hơn các tác vụ thường quy nhưng bổ trợ cho nhiều tác vụ nhận thức không thường quy. Frey và Osborne (2017) đánh giá mức độ dễ bị tin học hóa của các nghề, trong khi Acemoglu và Restrepo (2019) nhấn mạnh hai cơ chế đồng thời: hiệu ứng thay thế khi vốn/công nghệ đảm nhiệm nhiệm vụ trước đây do lao động thực hiện và hiệu ứng phục hồi khi công nghệ tạo ra các nhiệm vụ mới cho con người. Cách tiếp cận này giúp tránh đồng nhất một ngành kinh tế với một mức độ thâm dụng công nghệ nhất định và phù hợp hơn với việc phân tích biến đổi cơ cấu nghề nghiệp.

Ở Việt Nam, các nghiên cứu gần đây tập trung vào kỹ năng số, chất lượng nguồn nhân lực, việc làm trong kinh tế nền tảng và tác động xã hội của chuyển đổi số. Nguyễn Duy Thái, Nguyễn Thị Hải Hà và Nguyễn Đức Chiện (2025) nhấn mạnh sự thay đổi trong tương tác giữa người lao động và người sử dụng lao động. Báo cáo của ILO về đo lường việc làm nền tảng tại Việt Nam cho thấy cơ quan thống kê đã thí điểm mô-đun việc làm nền tảng trong Điều tra lao động việc làm tháng 12/2023 tại Hà Nội và Phú Thọ, nhưng mẫu còn nhỏ và chưa đủ đại diện để suy rộng toàn quốc (ILO, 2025). Điều này cho thấy khoảng trống không chỉ nằm ở lý luận mà còn ở hạ tầng thống kê để nhận diện chính xác việc làm số.

Từ đó, bài viết tập trung vào ba khoảng trống chính: (i) kết nối cách tiếp cận của chủ nghĩa Mác - Lênin về lực lượng sản xuất, quan hệ sản xuất và phân công lao động với khung phân tích theo tác vụ; (ii) đặt chuyển dịch ngành bên cạnh chuyển dịch nghề nghiệp, kỹ năng, tính chính thức và hình thức việc làm; (iii) xem xét quyền sở hữu và quyền kiểm soát đối với các tư liệu sản xuất số - đặc biệt là nền tảng, dữ liệu và thuật toán - như một biến số định hình vị thế của người lao động.

Điểm mới của bài viết là tiếp cận vấn đề từ góc độ triết học Mác - Lênin về mối quan hệ giữa lực lượng sản xuất, phương thức sản xuất và cơ cấu lao động xã hội, qua đó làm rõ chuyển đổi số không chỉ là sự thay đổi về công nghệ mà còn là quá trình thúc đẩy tái cấu trúc lực lượng lao động trong điều kiện hình thành các yếu tố của phương thức sản xuất số. Kết quả nghiên cứu góp phần bổ sung luận cứ lý luận về tác động của chuyển đổi số đối với sự phát triển lực lượng sản xuất, đồng thời cung cấp cơ sở tham khảo cho việc hoạch định chính sách phát triển nguồn nhân lực số và thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu lao động ở Việt Nam.

2. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết được thực hiện theo cách tiếp cận nghiên cứu định tính nhằm làm rõ tác động của chuyển đổi số đối với sự chuyển dịch cơ cấu lao động từ góc độ mối quan hệ giữa lực lượng sản xuất và cơ cấu lao động xã hội.

Các phương pháp nghiên cứu chủ yếu được sử dụng gồm: phân tích và tổng hợp tài liệu để hệ thống hóa các quan điểm lý luận và kết quả nghiên cứu liên quan đến chuyển đổi số, kinh tế số và thị trường lao động; phương pháp thống kê, xử lý dữ liệu thứ cấp từ Cục Thống kê, Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO), Ngân hàng Thế giới (World Bank) và các báo cáo chuyên đề nhằm nhận diện xu hướng chuyển dịch cơ cấu lao động ở Việt Nam.

Trên cơ sở đó, bài viết phân tích mối quan hệ giữa sự biến đổi của lực lượng sản xuất dưới tác động của chuyển đổi số với sự vận động của cơ cấu lao động, qua đó làm rõ tính tất yếu của quá trình chuyển dịch cơ cấu lao động trong điều kiện hình thành các yếu tố của phương thức sản xuất số.

3. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

3.1. Chuyển đổi số và sự xác lập phương thức sản xuất số: Cơ sở lý luận của sự chuyển dịch cơ cấu lao động

Sự chuyển dịch cơ cấu lao động gắn liền với sự vận động và phát triển của lực lượng sản xuất. Trong lịch sử phát triển của các phương thức sản xuất, mỗi bước tiến của lực lượng sản xuất đều kéo theo những biến đổi tương ứng trong cơ cấu lao động xã hội. Vì vậy, để lý giải tác động của chuyển đổi số đối với sự

chuyển dịch cơ cấu lao động cần xuất phát từ sự biến đổi của lực lượng sản xuất trong điều kiện cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật lịch sử, tư liệu lao động là yếu tố phản ánh trình độ phát triển của lực lượng sản xuất. C.Mác khẳng định: "Những thời đại kinh tế khác nhau không phải ở chỗ chúng sản xuất ra cái gì, mà là ở chỗ chúng sản xuất bằng cách nào, với những tư liệu lao động nào" (C. Mác & Ph. Ăngghen, 1995). Do đó, mỗi cuộc cách mạng về tư liệu lao động đều dẫn tới những biến đổi trong tổ chức sản xuất và cơ cấu lao động xã hội.

Trong điều kiện số hóa, hệ thống tư liệu sản xuất ngày càng được bổ sung bởi các tư liệu lao động số như phần mềm, AI, IoT, hạ tầng điện toán và nền tảng số; đồng thời dữ liệu trở thành một loại đầu vào và đối tượng lao động đặc thù trong nhiều quá trình sản xuất. OECD (2024) nhận định dữ liệu đang trở thành nguồn lực chiến lược của nền kinh tế số, trong khi UNCTAD (2021) xem dữ liệu là một trong những nguồn lực cốt lõi của nền kinh tế toàn cầu.

Sự biến đổi của tư liệu lao động kéo theo sự thay đổi của đối tượng và chủ thể lao động. Lao động ngày càng gắn với việc tạo lập, xử lý và khai thác dữ liệu, thay vì chỉ tác động vào các đối tượng vật chất hữu hình. Đồng thời, yêu cầu đối với người lao động cũng chuyển từ kỹ năng thao tác đơn thuần sang năng lực tư duy, sáng tạo, kỹ năng số và khả năng thích ứng công nghệ. Theo World Bank (2021), kỹ năng số đang trở thành điều kiện thiết yếu để người lao động tham gia hiệu quả vào nền kinh tế hiện đại.

Những biến đổi đó cho thấy chuyển đổi số không chỉ là ứng dụng công nghệ mà còn thúc đẩy sự hình thành các yếu tố của phương thức sản xuất số, trong đó dữ liệu, tri thức và công nghệ số trở thành nguồn lực sản xuất quan trọng, còn quá trình tạo ra giá trị ngày càng phụ thuộc vào khai thác dữ liệu và đổi mới sáng tạo. Theo Schwab (2016), cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang làm mờ ranh giới giữa thế giới vật lý, số và sinh học, tạo ra những biến đổi mang tính hệ thống đối với đời sống kinh tế - xã hội.

Từ góc độ phát triển lực lượng sản xuất, sự hình thành các yếu tố của phương thức sản xuất số tất yếu dẫn tới sự tái cấu trúc cơ cấu lao động. Khi công nghệ số làm thay đổi phương thức tạo ra của cải vật chất, nhu cầu lao động cũng thay đổi tương ứng: các ngành nghề dựa trên tri thức, dữ liệu và công nghệ có xu hướng mở rộng, trong khi những công việc mang tính lặp lại và lao động thủ công có xu hướng thu hẹp. Đồng thời, các nền tảng số làm xuất hiện những hình thức tổ chức lao động và kết nối việc làm mới.

Như vậy, tác động của chuyển đổi số đối với sự chuyển dịch cơ cấu lao động bắt nguồn từ sự biến đổi của lực lượng sản xuất trong điều kiện hình thành các yếu tố của phương thức sản xuất số. Khi lực lượng sản xuất chuyển dần sang nền tảng số, cơ cấu lao động xã hội cũng tất yếu phải được tái cấu trúc tương ứng. Đây là cơ sở lý luận để phân tích những biến đổi của cơ cấu lao động ở Việt Nam hiện nay dưới tác động của chuyển đổi số.

3.2. Biểu hiện của sự chuyển dịch cơ cấu lao động dưới tác động của chuyển đổi số ở Việt Nam hiện nay

Sự chuyển dịch của cơ cấu lao động dưới tác động của chuyển đổi số được thể hiện qua nhiều biến đổi. Thứ nhất, chuyển dịch cơ cấu lao động theo khu vực kinh tế: nông nghiệp - công nghiệp - dịch vụ; thứ hai, biến đổi cơ cấu nghề nghiệp; thứ ba, sự xuất hiện của những hình thức việc làm được trung gian hóa bởi nền tảng số; thứ tư, việc làm nền tảng làm nổi bật chiều cạnh phi chính thức và cuối cùng là chiều cạnh giới cho thấy tác động của số hóa không trung tính.

Thứ nhất, cơ cấu lao động theo khu vực kinh tế tiếp tục dịch chuyển theo hướng giảm tỷ trọng nông, lâm nghiệp và thủy sản, tăng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ. Năm 2015, lao động nông, lâm nghiệp và thủy sản còn chiếm 44% tổng số lao động có việc làm; công nghiệp và xây dựng chiếm 22,8%; dịch vụ chiếm 33,2%. Đến năm 2019, các tỷ trọng tương ứng là khoảng 29,2%, 32,5% và 38,3%. Sau năm 2020, cơ cấu tiếp tục dịch chuyển, nhưng chịu tác động đồng thời của dịch COVID-19, quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa, đầu tư vào công nghiệp chế biến - chế tạo và sự mở rộng của khu vực dịch vụ

(Cục Thống kê (2016), Báo cáo Điều tra lao động việc làm năm 2015; Cục Thống kê (2024), Báo cáo Điều tra lao động việc làm năm 2023; Cục Thống kê (2026), Thông cáo Báo chí về tình hình dân số, lao động, việc làm quý IV và năm 2025).

Nhìn trong khoảng thời gian dài, tỷ trọng lao động nông, lâm nghiệp và thủy sản giảm mạnh, trong khi công nghiệp - xây dựng và dịch vụ tăng. Tuy nhiên, chính chuỗi số liệu này cũng cho thấy sự chuyển dịch đã diễn ra rõ trước khi Chương trình Chuyển đổi số quốc gia được ban hành năm 2020. Do đó, chuyển đổi số diễn ra trên nền một quá trình tái cơ cấu lao động đã có từ trước và có thể làm thay đổi tốc độ, nội dung và chất lượng của sự dịch chuyển đó; còn bản thân biến động giữa ba khu vực kinh tế không thể được sử dụng như bằng chứng nhân quả độc lập về tác động của chuyển đổi số.

Thứ hai, sự gia tăng của lao động dựa trên tri thức và công nghệ. Khi công nghệ số ngày càng trở thành yếu tố quan trọng của quá trình sản xuất, nhu cầu đối với lao động có trình độ chuyên môn, khả năng thích ứng công nghệ và kỹ năng số ngày càng gia tăng. Số liệu nghề nghiệp cho thấy, quý IV/2019, trước giai đoạn chuyển đổi số tăng tốc và trước cú sốc COVID-19, nhóm lao động giản đơn chiếm khoảng 33,9% số người có việc làm; nhóm chuyên môn kỹ thuật bậc cao chiếm khoảng 8,5%; nhân viên chiếm khoảng 1,9%; dịch vụ cá nhân, bảo vệ và bán hàng chiếm khoảng 17,7%; thợ lắp ráp và vận hành máy móc thiết bị chiếm khoảng 12,6%. Đến năm 2024, lao động giản đơn vẫn là nhóm lớn nhất, chiếm 25,6%; dịch vụ cá nhân, bảo vệ và bán hàng chiếm 20,1%; thợ lắp ráp và vận hành máy móc thiết bị chiếm 14,7%; chuyên môn kỹ thuật bậc cao chiếm 7,5%; nhân viên chiếm 2,5% (Cục Thống kê, 2026).

Điều này cho thấy, mặc dù quá trình số hóa và tự động hóa đang làm thay đổi nội dung công việc và yêu cầu kỹ năng, cơ cấu lao động Việt Nam hiện vẫn tồn tại đồng thời các nhóm nghề có trình độ và hàm lượng công nghệ rất khác nhau; vì vậy chưa đủ cơ sở để khẳng định cơ cấu lao động đã chuyển mạnh sang lao động tri thức chỉ từ các số liệu tổng hợp này (Tổng cục Thống kê (2020), Báo cáo Điều tra Lao động Việc làm quý 2 năm 2020, (Biểu 9); Cục Thống kê, Báo cáo Điều tra lao động việc làm năm 2024).

Dữ liệu này cho thấy, tỷ trọng lao động giản đơn giảm là một biến đổi đáng chú ý, nhưng không đồng nghĩa với việc cơ cấu lao động đã chuyển một cách tuyến tính sang lao động tri thức. Nhóm chuyên môn kỹ thuật bậc cao chưa tăng tỷ trọng, trong khi các nhóm dịch vụ, lắp ráp và vận hành máy móc vẫn chiếm quy mô lớn. Chính điều này giúp nhận diện công nghệ số không nhất thiết xóa bỏ toàn bộ một nghề mà có thể tự động hóa một số nhiệm vụ lặp lại, đồng thời bổ trợ hoặc tạo ra những nhiệm vụ mới liên quan đến giám sát, xử lý thông tin, giao tiếp và ra quyết định. Vì vậy, dấu ấn của chuyển đổi số cần được nhận diện ở sự thay đổi nội dung công việc và tổ hợp kỹ năng trong từng nghề, chứ không chỉ ở sự thay đổi tên nghề hay tỷ trọng ngành.

Cùng với cơ cấu nghề nghiệp, trình độ chuyên môn kỹ thuật tiếp tục được cải thiện. Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng, chứng chỉ quý III/2025 đạt 29,5%, tăng 1,0 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm trước; tính chung chín tháng năm 2025 đạt 29,1% (Cục Thống kê, 2025). So với mức 24,1% năm 2020, đây là một bước tiến, nhưng cũng đồng nghĩa phần lớn lực lượng lao động vẫn chưa có bằng, chứng chỉ chuyên môn.

Thứ ba, chuyển đổi số làm xuất hiện và mở rộng các hình thức việc làm được trung gian hóa bởi nền tảng số. Nền tảng số không chỉ là công cụ hỗ trợ mà còn là cơ chế trung gian tổ chức việc làm, kết nối khách hàng, phân phối nhiệm vụ và thanh toán. Nghiên cứu của Đỗ Quỳnh Chi (2022) ước tính, dựa trên thông tin công khai của các nền tảng vào cuối năm 2019, năm nền tảng gọi xe lớn khi đó có khoảng 170.000 tài xế ô tô và khoảng 400.000 tài xế xe máy. Khảo sát của nghiên cứu này thực hiện với 355 người, gồm 81 tài xế ô tô và 274 tài xế xe máy tại Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh; 84,5% người được hỏi cho biết công việc nền tảng là công việc duy nhất và toàn thời gian của họ.

Mặt khác, cơ quan thống kê Việt Nam đã bắt đầu xây dựng công cụ đo lường chính thức cho loại hình việc làm này. Tháng 12/2023, Tổng cục Thống kê,

với hỗ trợ kỹ thuật của ILO, tích hợp một mô-đun thí điểm về việc làm nền tảng số vào Điều tra lao động việc làm tại Hà Nội và Phú Thọ. Mô-đun thu thập thông tin về việc tham gia công việc qua nền tảng, thu nhập và thời giờ làm việc trong bốn tuần tham chiếu. Tuy nhiên, ILO (2025) cho biết số lao động nền tảng nhận diện được trong mẫu còn thấp và mẫu thí điểm chưa đủ đại diện để suy rộng hoặc phân tích chi tiết cho toàn quốc. Vì vậy, hiện chưa có một ước lượng thống kê chính thức, có thể đại diện quốc gia, về tổng số lao động nền tảng ở Việt Nam.

Thứ tư, việc làm nền tảng làm nổi bật chiều cạnh phi chính thức. Năm 2024, tỷ lệ việc làm phi chính thức của Việt Nam là 64,6% nếu tính cả lao động trong hộ nông, lâm nghiệp và thủy sản; tỷ lệ của nam là 67,6%, nữ 61,0%; khu vực nông thôn 74,1% và thành thị 49,2% (Cục Thống kê, 2025). Những con số này cho thấy chuyển đổi số không diễn ra trên một thị trường lao động đã □chính thức hóa□hoàn chỉnh. Một bộ phận lao động có thể chuyển từ công việc truyền thống sang công việc được điều phối bằng ứng dụng nhưng địa vị việc làm, hợp đồng và bảo hiểm vẫn mang tính phi chính thức hoặc chưa rõ ràng.

Thứ năm, xét theo giới, tác động của số hóa đến cơ cấu lao động không diễn ra đồng đều giữa nam và nữ. Sự khác biệt này trước hết bắt nguồn từ sự phân bố không giống nhau của lao động nam và nữ giữa các nhóm nghề, qua đó làm cho mức độ tiếp xúc với công nghệ số và nguy cơ biến đổi nhiệm vụ cũng khác nhau. Dựa trên Điều tra Lao động và Việc làm Việt Nam năm 2024, ILO (2026) ước tính 24,1% lao động nữ làm trong các nghề có khả năng chịu tác động của GenAI, cao hơn mức 17,8% ở nam giới; nữ giới đồng thời chiếm 55,5% số việc làm có khả năng bị tác động. Ngay cả khi kiểm soát các khác biệt về đặc điểm cá nhân và công việc, mức độ ảnh hưởng dự báo đối với nữ vẫn cao hơn nam 6,7 điểm phần trăm (26,0% so với 19,3%).

Điều này cho thấy chuyển đổi số không tự động tạo ra bất bình đẳng giới, nhưng tương tác với sự phân tầng nghề nghiệp vốn có, khiến cơ hội và sức ép chuyển đổi việc làm được phân bổ khác nhau giữa nam và nữ. Vì vậy, chiều cạnh giới cần được xem là một biểu hiện của tính không đồng đều trong quá trình tái cấu trúc lao động dưới tác động của chuyển đổi số, chứ không chỉ là một vấn đề xã hội bổ sung.

Nhìn chung, dưới tác động của chuyển đổi số, cơ cấu lao động ở Việt Nam đang biến đổi trên nhiều phương diện, từ sự phân bố lao động giữa các khu vực kinh tế, cơ cấu nghề nghiệp đến hình thức tổ chức và quan hệ việc làm. Quá trình này cho thấy xu hướng gia tăng vai trò của lao động có kỹ năng, lao động tri thức và các hình thức việc làm dựa trên nền tảng số, đồng thời làm bộc lộ rõ hơn những khác biệt về mức độ chính thức của việc làm và tác động theo giới. Điều đó phản ánh tính đa chiều, không đồng đều của quá trình tái cấu trúc lao động và cho thấy chuyển đổi số đang từng bước làm thay đổi phương thức phân công, tổ chức và sử dụng lao động ở Việt Nam hiện nay.

3.3. Những mâu thuẫn và vấn đề đặt ra trong quá trình chuyển dịch cơ cấu lao động dưới tác động của chuyển đổi số

Sự chuyển dịch cơ cấu lao động dưới tác động của chuyển đổi số là hệ quả tất yếu của quá trình phát triển lực lượng sản xuất trong điều kiện hình thành nền kinh tế số. Tuy nhiên, quá trình này không diễn ra một cách đồng đều mà luôn chứa đựng những mâu thuẫn giữa yêu cầu khách quan của chuyển đổi số với khả năng thích ứng của các điều kiện kinh tế - xã hội hiện có.

Thứ nhất, mâu thuẫn giữa tốc độ biến đổi của công nghệ - tác vụ và năng lực nâng cấp kỹ năng của lực lượng lao động. Tỷ lệ lao động có bằng, chứng chỉ tăng nhưng vẫn dưới một phần ba lực lượng lao động, trong khi cơ cấu nghề nghiệp chưa cho thấy sự gia tăng rõ rệt của các nhóm chuyên môn kỹ thuật bậc cao. Mâu thuẫn này không chỉ là □thiếu nhân lực IT□mà là độ lệch giữa tốc độ tái cấu trúc tác vụ với khả năng học lại, chuyển nghề và tích lũy kỹ năng số của số đông người lao động.

Thứ hai, mâu thuẫn giữa hiệu quả của nền tảng số với tính bền vững của việc làm. Nền tảng có thể giảm chi phí giao dịch và mở rộng cơ hội tiếp cận khách hàng, nhưng đồng thời chuyển một phần chi phí và rủi ro sang người lao động. ILO (2025) lưu ý

việc làm nền tảng thường gắn với dòng việc và thu nhập không đều, thiếu bảo vệ xã hội và hạn chế khả năng thực thi các quyền cơ bản tại nơi làm việc. Các nghiên cứu tại Việt Nam cũng ghi nhận vấn đề minh bạch phân bổ đơn hàng, cơ chế chấm điểm và xử lý kỷ luật tự động.

Thứ ba, mâu thuẫn giữa sự phát triển của lực lượng sản xuất số với quan hệ sản xuất và chế định lao động chưa theo kịp. Trong kinh tế nền tảng, người lao động có thể sở hữu xe máy, điện thoại hoặc công cụ vật chất trực tiếp, nhưng quyền tiếp cận thị trường, dữ liệu khách hàng, thuật toán phân phối việc và tiêu chí đánh giá lại do nền tảng kiểm soát. Điều này tạo ra một cấu trúc sở hữu - kiểm soát mới: quyền sở hữu pháp lý đối với một số tư liệu vật chất không đồng nghĩa với quyền kiểm soát quá trình lao động. Đây là nơi khung phân tích Mác - Lênin có giá trị thực chất nhất, bởi quan hệ sản xuất phải được xem xét qua quyền sở hữu, quyền quản lý và cơ chế phân phối giá trị.

Thứ tư, mâu thuẫn giữa số hóa và yêu cầu bao trùm xã hội. Tỷ lệ việc làm phi chính thức cao, chênh lệch thành thị - nông thôn lớn và phân tầng giới theo nghề cho thấy lợi ích của chuyển đổi số không tự động được phân phối đồng đều. Nếu đào tạo số chủ yếu tiếp cận nhóm đã có nền tảng giáo dục tốt, trong khi lao động phi chính thức, phụ nữ trong các ngành lắp ráp - dịch vụ và lao động nông thôn khó tiếp cận hơn, chuyển đổi số có thể làm sâu thêm chênh lệch thay vì thu hẹp.

Những mâu thuẫn này phản ánh tính chất phức tạp và không đồng đều của quá trình tái cấu trúc lực lượng sản xuất trong bối cảnh phát triển kinh tế số ở Việt Nam hiện nay. Việc nhận diện đúng và xử lý hiệu quả các mâu thuẫn đó có ý nghĩa quan trọng đối với phát triển nguồn nhân lực, hoàn thiện thể chế lao động và tạo điều kiện thực hiện mục tiêu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

3.4. Một số giải pháp chủ yếu thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu lao động trong kỷ nguyên số

Đối với mâu thuẫn thứ nhất, trọng tâm là chuyển từ đào tạo theo văn bằng sang hệ thống học tập suốt đời theo năng lực và tác vụ. Cơ quan quản lý giáo dục - nghề nghiệp, doanh nghiệp và cơ sở đào tạo cần xây dựng các mô-đun ngắn hạn về dữ liệu, AI ứng dụng, vận hành thiết bị số, an toàn thông tin và kỹ năng giải quyết vấn đề, đồng thời công nhận kết quả học tập tích lũy. Căn cứ cho giải pháp này là tỷ lệ lao động có bằng, chứng chỉ còn dưới một phần ba và cơ cấu nghề chuyên môn kỹ thuật chưa tăng tương xứng. Khung của Acemoglu và Restrepo (2019) cũng gợi ý rằng chính sách không chỉ chuẩn bị người lao động cho các công việc hiện có mà cần tạo điều kiện hình thành □nhiệm vụ mới□có lợi thế cho lao động.

Đối với mâu thuẫn thứ hai, cần thiết kế cơ chế bảo vệ tối thiểu cho lao động nền tảng theo mức độ phụ thuộc kinh tế và mức độ kiểm soát thực tế của nền tảng, thay vì chỉ dựa vào tên gọi hợp đồng. Cơ quan quản lý lao động cần ưu tiên các chuẩn về minh bạch thuật toán, quyền được biết tiêu chí phân bổ việc - chấm điểm, cơ chế khiếu nại có sự tham gia của con người, an toàn nghề nghiệp và khả năng tiếp cận bảo hiểm xã hội. ILO (2025) cho rằng việc làm nền tảng thường gắn với rủi ro về thu nhập, thời giờ, an toàn và bảo vệ xã hội; vì vậy, mở rộng cơ hội việc làm phải đi cùng chuẩn việc làm thỏa đáng.

Đối với mâu thuẫn thứ ba, cần hoàn thiện quan hệ sản xuất trong môi trường số theo hướng xác lập rõ quyền và nghĩa vụ gắn với dữ liệu và thuật toán. Nền tảng cần có trách nhiệm giải trình đối với các quyết định tự động ảnh hưởng trực tiếp đến thu nhập, quyền tiếp cận việc làm và chấm dứt tài khoản; người lao động cần có quyền tiếp cận thông tin cá nhân, lịch sử đánh giá và cơ chế sửa sai. Đây không đơn thuần là quản trị dữ liệu, mà là điều chỉnh quan hệ quản lý và phân phối trong quá trình sản xuất số.

Đối với mâu thuẫn thứ tư, chính sách chuyển đổi số cần được thiết kế theo hướng ưu tiên nhóm dễ bị tổn thương. Với tỷ lệ việc làm phi chính thức 64,6% năm 2024, các chương trình kỹ năng số và an sinh không thể chỉ đi qua doanh nghiệp chính thức. Cần mở các kênh đào tạo linh hoạt cho lao động tự làm, lao động nền tảng và lao động nông thôn; đồng thời thực hiện đánh giá tác động giới trong các chương trình tự động hóa và đào tạo lại tại những ngành sử dụng nhiều lao động nữ. Chính sách hạ tầng số ở

nông thôn cần gắn với hỗ trợ sử dụng thực tế, bởi kết nối kỹ thuật không tự động chuyển hóa thành năng lực tham gia thị trường lao động số.

Cuối cùng, cần nâng cấp hệ thống thống kê lao động số. Kinh nghiệm thí điểm mô-đun việc làm nền tảng năm 2023 cho thấy phải kéo dài kỳ tham chiếu, mở rộng khung mẫu và hoàn thiện câu hỏi sàng lọc để hạn chế nhận diện sai (ILO, 2025). Việc định kỳ công bố cơ cấu nghề nghiệp, kỹ năng số, việc làm nền tảng, mức độ phụ thuộc nền tảng, thu nhập, thời giờ và bảo hiểm theo giới, vùng và khu vực chính thức - phi chính thức sẽ giúp chuyển từ chính sách dựa trên ước đoán sang chính sách dựa trên bằng chứng.

4. Kết luận

Bài viết đã phân tích sự chuyển dịch cơ cấu lao động ở Việt Nam trong bối cảnh chuyển đổi số từ cách tiếp cận duy vật lịch sử, đặt sự biến đổi của lực lượng sản xuất trong mối quan hệ với phân công lao động và sự điều chỉnh của quan hệ sản xuất. Kết quả nghiên cứu cho thấy chuyển đổi số đang tham gia vào quá trình tái cấu trúc lao động không chỉ thông qua sự dịch chuyển giữa các khu vực kinh tế mà ngày càng rõ hơn ở sự thay đổi cơ cấu nghề nghiệp, nội dung tác vụ, yêu cầu kỹ năng và hình thức tổ chức việc làm. Tuy nhiên, các chuỗi số liệu tổng hợp hiện có chưa cho phép tách biệt và lượng hóa đầy đủ phần tác động riêng của chuyển đổi số, bởi sự chuyển dịch cơ cấu lao động còn chịu ảnh hưởng đồng thời của công nghiệp hóa, đô thị hóa, hội nhập kinh tế quốc tế, đầu tư và những biến đổi của thị trường lao động.

Như vậy, đóng góp của bài viết không nằm ở việc khẳng định chuyển đổi số quyết định toàn bộ sự chuyển dịch cơ cấu lao động, mà ở việc chỉ ra những cơ chế mới mà số hóa bổ sung vào quá trình tái cấu trúc lao động: tái phân bổ tác vụ, thay đổi yêu cầu kỹ năng, hình thành việc làm nền tảng và biến đổi quan hệ kiểm soát trong quá trình lao động. Nhận diện đúng các cơ chế đó là cơ sở để phát triển lực lượng sản xuất đồng thời từng bước hoàn thiện quan hệ sản xuất, quan hệ lao động và hệ thống an sinh phù hợp với điều kiện mới của nền kinh tế số./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Acemoglu, D., & Restrepo, P. (2019). Automation and new tasks: How technology displaces and reinstates labor. Journal of Economic Perspectives, 33(2), 3–30. https://doi.org/10.1257/jep.33.2.3

2. Autor, D. H., Levy, F., & Murnane, R. J. (2003). The skill content of recent technological change: An empirical exploration. Quarterly Journal of Economics, 118(4), 1279–1333.

3. Đỗ Quỳnh Chi. (2022). Voice and representation of platform drivers in Vietnam. Friedrich-Ebert-Stiftung Vietnam Office.

4. C. Mác & Ph. Ăngghen. (1995). Toàn tập (Tập 23). Nxb Chính trị quốc gia dữ liệu, trí tuệ nhân tạo (AI), Internet vạn vật (IoT), điện toán đám mây (Cloud Computing) và các nền tảng số đang trở thành những công cụ sản xuất mới, t.23, tr.269

5. Cục Thống kê. (2016). Báo cáo Điều tra lao động việc làm năm 2015.

6. Cục Thống kê. (2020). Báo cáo Điều tra Lao động việc làm quý 2 năm 2020.

7. Cục Thống kê. (2024). Báo cáo Điều tra lao động việc làm năm 2023.

8. Cục Thống kê. (2025). Báo cáo Điều tra lao động việc làm năm 2024

9. Cục Thống kê. (2026). Thông cáo Báo chí về tình hình dân số, lao động, việc làm quý IV và năm 2025.

10. Frey, C. B., & Osborne, M. A. (2017). The future of employment: How susceptible are jobs to computerisation? Technological Forecasting and Social Change, 114, 254–280. https://doi.org/10.1016/j.techfore.2016.08.019

11. ILO. (2025). Measuring digital platform employment in Viet Nam: Lessons learned from the pilot survey. ILO Research Brief. https://doi.org/10.54394/EOOG8972

12. ILO. (2026), Trí tuệ nhân tạo tạo sinh và việc làm tại Việt Nam: Mức độ ảnh hưởng tới thị trường lao động và các khuyến nghị chính sách, Báo cáo tóm tắt ILO, Geneva: Văn phòng Lao động Quốc tế, 2026. © ILO
https://doi.org/10.54394/00034064

13. OECD. (2024). OECD Digital Economy Outlook 2024. Paris: OECD Publishing.

14. Schwab, K. (2016). The Fourth Industrial Revolution. Geneva: World Economic Forum.

15. Nguyễn Duy Thái, Nguyễn Thị Hải Hà, Nguyễn Đức Chiện. (2025). Chuyển đổi số ở thị trường lao động Việt Nam dưới góc nhìn xã hội học, Tạp chí Nghiên cứu khoa học, Số: 90 (2/2025), tr. 95.

16. World Bank. (2021). Digital transformation in Vietnam: Skills must transform too. World Bank.

17. United Nations Conference on Trade and Development (UNCTAD). (2021). Digital Economy Report 2021: Cross-border Data Flows and Development. Geneva: United Nations.